

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ Nghị định 48/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số 381/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 16 tháng 12 năm 2024;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm....., các bên gồm:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A):

.....
Người đại diện: Chức vụ:
Giấy ủy quyền số (nếu có): Cấp ngày:
Địa chỉ ĐKKD:
Địa chỉ giao dịch:
Tài khoản:
MST/MNS:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIN HỌC EFY VIỆT NAM

Người đại diện: Ông **Hoàng Văn Thuấn** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Sannam, 78 phố Duy Tân, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội, Việt Nam

VPGD Miền Nam: M002B Cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, P.9, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại: 19006142 / 024 6287 2290 (Miền Bắc) - 19006139 / 028 7309 8686 (Miền Nam)

Tài khoản 1: **08611 0001 6888** | Mở tại: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Ba Đình, Hà Nội | Mã ngân hàng: **01311033**

Tài khoản 2: **111000178399** | Mở tại: Vietinbank Chi nhánh Bắc Sài Gòn | Mã ngân hàng: **79201019**

Mã số thuế: **0102519041** | Email: contact@efy.com.vn | Website: www.efy.com.vn

Sau khi thỏa thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi, giới hạn sử dụng

- Bên A đồng ý đăng ký sử dụng và Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng EFY-CA.
- Bên A sử dụng chứng thư số theo đúng quy định của pháp luật về chứng thư số, không được sử dụng, sao chép chứng thư số bất hợp pháp.
- Bên B cung cấp dịch vụ EFY-CA cho Bên A sử dụng trong các hoạt động công cộng.

Điều 2. Mức độ bảo mật

- Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao (Bên A) phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.
- Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

Điều 3. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số

- Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó;
- Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng cấp;
- Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

Điều 4. Chi phí liên quan đến việc cấp và sử dụng chứng thư số của thuê bao

1. Bên A đăng ký sử dụng dịch vụ EFY-CA như sau:

- Chứng thư số EFY-CA gói....., thời hạn sử dụng:tháng.
- Thiết bị EFY-CA Token (kèm theo khi cấp mới chứng thư số) là mới 100% theo quy cách và tiêu chuẩn của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng EFY-CA.

2. Phí dịch vụ: đồng.

(Bằng chữ:.....)

Giá trên đã bao gồm 10% thuế VAT.

3. Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 01 lần duy nhất cho Bên B sau khi hai bên ký hợp đồng.

4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

6. Thời hạn sử dụng chứng thư số tương ứng gói dịch vụ Bên A lựa chọn và được thể hiện trên Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số sẽ được cấp cho Bên A. Trước khi hết thời hạn, nếu có nhu cầu Bên A phải thực hiện gia hạn để sử dụng tiếp (phí gia hạn căn cứ tại thời điểm gia hạn).

Điều 5. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số của thuê bao

1. Chứng thư số của Bên A bị tạm dừng hoặc thu hồi trong các trường hợp sau:

- Chứng thư số hết hạn mà Bên A không tiếp tục gia hạn;
- Thông tin đăng ký dịch vụ của Bên A không chính xác;
- Bên B phát hiện Bên A có các hành vi vi phạm quy định tại Hợp đồng này;
- Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng hoặc có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chứng thư số của Bên A cũng bị tạm dừng, phục hồi, thu hồi theo quy định tại các Điều 28, 29 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

3. Bên B sẽ khôi phục chứng thư số cho Bên A khi không còn căn cứ để tạm dừng chứng thư số hoặc khi thời hạn tạm dừng theo yêu cầu đã hết.

4. Khi có căn cứ, Bên B phải tạm dừng, thu hồi chứng thư số của Bên A, đồng thời phải thông báo cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thu hồi này.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số bao gồm:

- Đơn cấp chứng thư số theo mẫu của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng;
- Giấy tờ kèm theo:

+ Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Đối với tổ chức: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

- c) Có quyền yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.
- d) Cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- e) Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, thuê bao phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Quy định này không áp dụng cho trường hợp thuê bao thuê thiết bị tạo cặp khóa của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- f) Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.
- g) Thông báo trong thời gian 24 giờ cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.
- h) Khi đã cung cấp chứng thư số cho người khác với mục đích để giao dịch, Bên A được coi là đã cam kết với người nhận rằng Bên A là người nắm giữ hợp pháp khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trên chứng thư số và những thông tin trên chứng thư số liên quan đến Bên A là đúng sự thật, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ xuất phát từ chứng thư số đó.
- i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định tại các điểm d, e, f, g và h của Điều này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
- j) Đồng ý để tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng công khai chứng thư số của mình trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- k) Cung cấp khóa bí mật và những thông tin cần thiết cho các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan an ninh để phục vụ việc đảm bảo an ninh quốc gia hoặc điều tra tội phạm theo quy định của pháp luật.
- l) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn phí dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a) Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số cá nhân, doanh nghiệp sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của thuê bao là chính xác.
- b) Đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng các điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.
- c) Tạo khóa và phân phối khóa cho thuê bao
 - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tạo cặp khóa cho mình.
 - Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến thuê bao và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có yêu cầu bằng văn bản.
 - Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho thuê bao.
 - Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.
- d) Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của thuê bao liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của thuê bao là liên tục.
- e) Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- f) Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho thuê bao theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.
- g) Tiếp nhận thông tin: Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần từ thuê bao liên quan đến việc sử dụng chứng thư số.

h) Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:

- Thông báo ngay cho thuê bao, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của thuê bao đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của thuê bao;
- Khuyến cáo cho thuê bao việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.

i) Trong trường hợp phải tạm dừng cấp chứng thư số mới: Trong thời gian tạm dừng, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.

j) Khi bị thu hồi giấy phép, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải thông báo ngay cho thuê bao về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của thuê bao.

k) Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu đăng ký dịch vụ.

l) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ, đúng hạn phí dịch vụ được quy định tại Hợp đồng này.

Điều 7. Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Thủ tục khiếu nại: Trong trường hợp Bên A có khiếu nại về dịch vụ EFY-CA, Bên A sẽ thực hiện thủ tục khiếu nại theo quy trình mà Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng EFY-CA đã ban hành và công bố tại địa chỉ <https://efyca.vn/quy-trinh-xu-ly-khieu-nai.html>.

2. Giải quyết tranh chấp:

- Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.
- Khi có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh và/hoặc khi tranh chấp đang được phân xử, Bên A và Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng, trừ vấn đề đang tranh chấp.

Điều 8. Bàn giao

1. Trường hợp chứng thư số có kèm theo thiết bị EFY-CA Token, Bên B sẽ bàn giao chứng thư số (kèm thiết bị EFY-CA Token) cho Bên A không quá 05 ngày làm việc kể từ khi hai bên ký hợp đồng và Bên B nhận được đầy đủ phí dịch vụ, tài liệu từ Bên A theo quy định của Hợp đồng này. Khi nhận hàng, Bên A có trách nhiệm kiểm tra sản phẩm và ký xác nhận vào Giấy xác nhận thông tin khách hàng.

2. Thiết bị EFY-CA Token bảo hành 12 tháng theo mã thiết bị (kể từ ngày khởi tạo chứng thư số được ghi trên Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số được cấp cho Bên A). Thiết bị chỉ được bảo hành nếu do lỗi của nhà sản xuất. Không bảo hành khi bị vỡ, hỏng, cháy nổ, biến dạng, hư hại không còn giữ nguyên trạng ban đầu hoặc hư hỏng do các loại hóa chất, chất lỏng.

Điều 9. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng

1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Bên A đăng ký thu hồi chứng thư số hoặc hết thời hạn sử dụng chữ ký số mà Bên A đã mua theo Hợp đồng này;
- b) Bên A trong khi sử dụng dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ;
- c) Bên A không thanh toán phí dịch vụ cho Bên B quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này. Trong trường hợp này Bên B sẽ thông báo (bằng văn bản, email hoặc điện thoại) cho Bên A về việc chấm dứt Hợp đồng;
- d) Hai bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng này.

2. Trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng nêu tại điểm a và b khoản 1 Điều này, Bên B không phải hoàn trả bất kỳ chi phí nào mà Bên A đã thanh toán cho Bên B.

3. Hợp đồng này được coi là tự động thanh lý khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không xảy ra tranh chấp.

Điều 10. Chấp nhận tuân thủ Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực (CP/CPS)

Ngoài những điều khoản về quyền nghĩa vụ các bên đã qui định tại Hợp đồng này, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng còn chịu sự kiểm soát của Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực về sản phẩm (CP/CPS) phiên bản ban hành tại thời điểm ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ.

Điều 11. Trách nhiệm vi phạm hợp đồng

Bên nào vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng. Mức phạt do bên bị vi phạm đưa ra căn cứ tính chất, mức độ vi phạm và việc khắc phục hậu quả của bên vi phạm, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 12. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc nội dung của Hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi. Bất kỳ vấn đề nào chưa được thỏa thuận hoặc chưa được quy định cụ thể trong Hợp đồng này sẽ được hiểu và vận dụng theo các quy định Pháp luật có liên quan.
3. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng, nếu quy định của pháp luật về Chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có sự thay đổi mà Các Bên chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung Hợp đồng theo sự thay đổi đó thì mặc nhiên các quy định mới của pháp luật sẽ được áp dụng để điều chỉnh Hợp đồng.
4. Bất cứ sự thay đổi nào của Hợp đồng này chỉ có giá trị khi lập thành văn bản và có sự đồng ý của các bên liên quan.
5. Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Tổng Giám đốc: Hoàng Văn Thuận